

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Khắc phục khẩn cấp sạt lở sông Tiền khu vực
Kè chống xói lở bờ sông Tiền, xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị Quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc công bố tình huống khẩn cấp sạt lở bờ sông Tiền khu vực Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự (nay là xã Thường Phước) tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 18/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp cho dự án Khắc phục khẩn cấp sạt lở sông Tiền khu vực Kè chống xói lở bờ sông Tiền, xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp cho dự án Khắc phục khẩn cấp sạt lở sông Tiền khu vực Kè chống xói lở bờ sông Tiền, xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp (dài 730m từ điểm cuối đoạn 370m đã được

UBND Tỉnh ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp theo Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 18/10/2025 đến bến phà Hồng Ngự - Tân Châu);

Căn cứ Quyết định số 1633/QĐ-UBND ngày 03/6/2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc bổ sung khoản 8 (dự kiến chi phí) vào Điều 1 Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 18/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp cho dự án Khắc phục khẩn cấp sạt lở sông Tiền khu vực Kè chống xói lở bờ sông Tiền, xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 03/6/2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc bổ sung khoản 8 (dự kiến chi phí) vào Điều 1 Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp cho dự án Khắc phục khẩn cấp sạt lở sông Tiền khu vực Kè chống xói lở bờ sông Tiền, xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp (dài 730m từ điểm cuối đoạn 370m đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp theo Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 18/10/2025 đến bến phà Hồng Ngự - Tân Châu);

Căn cứ Quyết định số 1498/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Công văn số 483/SNN&MT-CCTL ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Khắc phục khẩn cấp sạt lở sông Tiền khu vực Kè chống xói lở bờ sông Tiền, xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 8255/TTr-SNN&MT ngày 11/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Khắc phục khẩn cấp sạt lở sông Tiền khu vực Kè chống xói lở bờ sông Tiền, xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Khắc phục khẩn cấp sạt lở sông Tiền khu vực Kè chống xói lở bờ sông Tiền, xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp.
2. Mã số thông tin công trình (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng): Chủ đầu tư thực hiện theo quy định.
3. Địa điểm xây dựng; hướng tuyến công trình: Khu vực Kè chống xói lở bờ sông Tiền, xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp.
4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.
5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án tỉnh Đồng Tháp.
6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng: Viện Khoa học Thủy lợi Miền Nam.
7. Tổ chức thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty TNHH tư vấn trường Đại học Thủy lợi.

8. Loại, nhóm dự án; loại cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Dự án nhóm B, công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn, cấp IV, thời hạn sử dụng công trình: 20 năm (*Ban Quản lý dự án tỉnh Đồng Tháp, Viện Khoa học Thủy lợi Miền Nam, Công ty TNHH tư vấn trường Đại học Thủy lợi cam kết và chịu trách nhiệm về tuổi thọ công trình và thời gian sử dụng của cấp công trình chính theo thiết kế được duyệt đúng theo quy định, đảm bảo ổn định, an toàn công trình theo thời hạn sử dụng công trình khi hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng*).

9. Mục tiêu dự án: Khẩn trương khắc phục và chủ động phòng chống sạt lở, sụp lún bờ sông Tiền tại khu vực Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp, kịp thời đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản người dân và doanh nghiệp, an toàn công trình phòng chống thiên tai, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và giao thông đi lại của người dân.

10. Quy mô đầu tư xây dựng:

* **Tuyến công trình:** Tổng chiều dài khoảng 1.100 m trên cơ sở Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 18/10/2025 và Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Quy mô theo Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 18/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh, đoạn tuyến kè chiều dài 370m.

+ Đoạn 1 chiều dài 60 m: từ K0+920÷K0+980.

+ Đoạn 2 chiều dài 80 m: từ K1+620÷K1+700.

+ Đoạn 3 chiều dài 230 m: từ K1+740÷K1+970.

- Quy mô theo Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh, đoạn tuyến kè chiều dài 730m từ điểm cuối đoạn 370m đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 18/10/2025, đoạn tuyến chính kè chiều dài 730m, từ K1+970÷K2+700.

* **Kết cấu kè loại 1:**

- Kè kết cấu cừ ván BT kết hợp cọc BTCT, mái phía sông gia cố bằng túi cát vải kỹ thuật, trải lớp vải địa kỹ thuật và thảm đá dày 0,5m;

- Cao trình đỉnh kè: +5,80m;

- Mái phía sông hệ số mái $m = 3,0$;

- Áp dụng cho lý trình K1+760÷K2+220.

* **Kết cấu kè loại 2:**

- Phần trên cạn tính từ đỉnh kè vào trong giữ nguyên kết cấu hiện trạng, thi công từ phạm vi ngoài tường đỉnh kè, mái phía sông gia cố bằng túi cát vải kỹ thuật, trải lớp vải địa kỹ thuật và thảm đá dày 0,5m.

- Cơ kè +4,60m và +0,26m;

- Mái phía sông từ +4,60 xuống +0,26 hệ số mái $m=2,5$; từ +0,26 trở xuống hệ số mái $m=3,0$;

- Áp dụng cho lý trình K2+400÷K2+600 và lý trình K0+940÷K0+980.

* **Kết cấu kè loại 3:**

- Phần trên cạnh thi công khắc phục tường kè BTCT đã bị gãy nứt.
- Mái phía sông gia cố bằng các túi cát bằng vải địa kỹ thuật, trải lớp vải địa kỹ thuật và thảm đá dày 0,5m;
- Cao trình đỉnh kè: +5,80m;
- Cơ kè +4,60m và +0,26m;
- Mái phía sông từ +4,60 xuống +0,26 hệ số mái $m=2,5$; từ +0,26 trở xuống hệ số mái $m=3,0$;
- Áp dụng cho đoạn lý trình K0+920÷K0+940.

*** Kết cấu kè loại 4:**

- Phần trên cạnh tính từ rọ đá ở cao trình +0,26m vào trong giữ nguyên kết cấu hiện trạng, thi công từ phạm vi ngoài rọ đá ra phía sông, mái phía sông gia cố bằng các túi cát bằng vải địa kỹ thuật, trải lớp vải địa kỹ thuật và thảm đá dày 0,5m.

- Mái phía sông hệ số mái $m = 3,0$;
- Áp dụng cho các đoạn còn lại trừ đoạn áp dụng kết cấu loại 1, kết cấu loại 2 và kết cấu loại 3.

11. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

12. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước.
- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

STT	KHUNG TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG	SỐ HIỆU
1	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia - Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế	QCVN 04 - 05:2022/BNNPTNT
2	Tiêu chuẩn quốc gia công trình thủy lợi - thành phần, nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế kỹ thuật	TCVN 12845:2020
3	Công trình thủy lợi - quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi	TCVN 9152:2012
4	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 4116:2023
5	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2018
6	Tải trọng và tác động	TCVN 2737:2023
7	Công trình thủy lợi - thiết kế công trình bảo vệ bờ sông để chống lũ	TCVN 8419:2022
8	Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10304:2025
9	Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy lợi – yêu cầu thiết kế	TCVN 4253:2022

STT	KHUNG TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG	SỐ HIỆU
10	Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu	TCVN 9844-2013
11	Tiêu chuẩn Tải trọng và tác động (do sóng và do tàu) lên công trình thủy	TCVN 8421:2010
12	Rọ đá, thảm đá và các sản phẩm mắt lưới lục giác xoắn kép phục vụ xây dựng công trình giao thông đường thủy - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 10335:2014
	Các tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan	

13. Tổng mức đầu tư xây dựng: **246.393.212.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi sáu tỷ, ba trăm chín mươi ba triệu, hai trăm mười hai nghìn đồng). Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 228.532.269.959 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 3.750.468.475 đồng.
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 7.775.152.847 đồng.
- Chi phí khác: 4.406.065.383 đồng.
- Chi phí dự phòng: 1.929.255.764 đồng.

14. Tiến độ thực hiện dự án: Từ ngày ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp đến ngày 31/12/2026.

15. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách địa phương, ngân sách Trung ương và các nguồn vốn hợp pháp khác.
- Dự kiến kế hoạch bố trí vốn: Theo tiến độ thực hiện dự án.

16. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án tỉnh Đồng Tháp) quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý dự án tỉnh Đồng Tháp (chủ đầu tư)

- Tổ chức triển khai dự án đúng quy định pháp luật về đầu tư công, quy định pháp luật về đấu thầu, quy định pháp luật về quản lý ngân sách và các quy định pháp luật có liên quan; xây dựng kế hoạch, kiểm soát chặt chẽ quá trình triển khai đảm bảo chất lượng và tiến độ dự án theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt; thực hiện thanh, quyết toán, kết thúc dự án theo quy định; trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung thực hiện theo quy định hiện hành.

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật đối với toàn bộ quyết định thuộc thẩm quyền trong hoạt động đầu tư xây dựng dự án theo quy định pháp luật về quản lý xây dựng, đấu thầu và quy định pháp luật có liên quan; đảm bảo giải pháp kỹ thuật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức áp dụng cho công trình, biện

pháp thi công của nhà thầu, đáp ứng yêu cầu tiết kiệm, hiệu quả tránh thất thoát, lãng phí theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về tính pháp lý, quy trình quyết định đầu tư và chất lượng hồ sơ dự án trình phê duyệt; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc chủ đầu tư và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện, bảo đảm dự án hoàn thành đúng tiến độ và quy định hiện hành.

3. Sở Tài chính phối hợp chủ đầu tư và các đơn vị liên quan rà soát, nghiên cứu tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung nguồn vốn, bảo đảm triển khai hoàn thành dự án theo tiến độ được phê duyệt; theo dõi, hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện công tác thanh toán, quyết toán dự án theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII; Giám đốc Ban Quản lý dự án tỉnh Đồng Tháp; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT;
- VPUBND: PCVP (Tuấn);
- Lưu: VT, ĐTQH (Hoàng).


KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn Phước Thiện